

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bán số: 50/2023/HC-PT

Ngày 08/02/2023

*“V/v Yêu cầu hủy quyết định thu hồi
đất, phê duyệt phương án bồi thường
và quyết định giải quyết khiếu nại”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Ông Trần Quang Minh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 373/2022/TLPT-HC ngày 13 tháng 9 năm 2022 đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 491/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

I. Người khởi kiện: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện N, tỉnh Bắc Ninh **(có mặt)**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Dương Văn Q - Công ty Luật TNHH A thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; Địa chỉ: Lô X, LKY, khu đô thị phía Nam, phường B, thành phố G, tỉnh Bắc Giang **(có mặt)**.

II. Người bị kiện: 1. Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Bắc Ninh

2. UBND huyện N, tỉnh Bắc Ninh

- Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Vũ Văn H, Phó Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Bắc Ninh (**xin xét xử vắng mặt**).

III. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã O, huyện N

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Đ, Chủ tịch UBND xã O

2. UBND xã M, huyện N

Đại diện: Ông Lê Văn H, Chủ tịch UBND xã M

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn L, xã M, Huyện N, tỉnh Bắc Ninh

- Bà T ủy quyền cho Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn L, xã M, Huyện N, tỉnh Bắc Ninh.

4. Thôn L, xã M, huyện N

Đại diện: Ông Ngô Văn K, Trưởng thôn

(Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng người khởi kiện trình bày:

Từ năm 2007 đến năm 2009, do nhu cầu kinh phí để xây dựng nhà văn hoá và làm đường bê tông, được sự nhất trí chỉ đạo của Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã M, Ban lãnh đạo thôn L đã thông báo việc chuyển nhượng một số diện tích đất tại khu V của thôn và vận động người dân mua đất nông nghiệp với cam kết sẽ hoàn thiện đầy đủ giấy tờ sử dụng lâu dài cho người mua với giá chuyển nhượng đất thuỷ sản lâu dài là 7.000.000 đồng/sào và thu tiền làm giấy tờ cho người mua sử dụng lâu dài là 300.000 đồng/sào.

Ông Phạm Văn T đã mua 3568m² đất canh tác có phía Tây dài 51,6m giáp nhà ông Vũ Văn H; phía Đông dài 65m giáp nhà ông Bùi Xuân T; phía Nam dài 61,3m giáp đường mương; phía Bắc dài 61,1m giáp đường trục, có lập Biên bản chuyển nhượng đất nuôi trồng thủy sản lâu dài ngày 07/10/2008. Sau khi nhận đất, gia đình ông T đã sử dụng ổn định từ đó đến nay, không tranh chấp, hàng năm có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đầy đủ. Hiện nay, diện tích đất mua của thôn thể hiện tại thửa số 132, tờ bản đồ số 3, diện tích 3607,3m².

Tại Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TLX đoạn thị trấn Y đi R, huyện N, diện tích đất bị thu hồi của ông T là 761m²

và xác định diện tích bị thu hồi của gia đình ông T là “đất công ích”, sử dụng theo hình thức “tạm giao” và có nội dung ghi chú là “mua đất của thôn (7 triệu/sào có hợp đồng chuyển nhượng giữa thôn với các hộ trước 01/7/2014) bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình 30% giá đất”, nên ông T đã khiếu nại Quyết định số 2725/QĐ-UBND nêu trên.

Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông T; diện tích đất bị thu hồi mà gia đình ông T đang sử dụng vẫn được xác định là đất công ích.

Ông Phạm Văn T cho rằng diện tích đất ông đang sử dụng bị thu hồi là do thôn chuyển nhượng cho ông theo giá đất sử dụng lâu dài; sau khi mua đất đã bỏ công sức tôn tạo nên ông T đề nghị phải bồi thường cho ông đối với diện tích đất đã thu hồi theo giá đất được giao sử dụng lâu dài. Đối với diện tích còn lại chưa thu hồi ông T đề nghị chính quyền hợp thức hóa cho ông được quyền sử dụng hợp pháp lâu dài để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông, nhưng không được chấp nhận. Do đó, ông T có đơn khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy một phần Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TLX đoạn thị trấn Y đi R, huyện N đối với ông Phạm Văn T.

2. Hủy Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm Văn T.

3. Xác định diện tích đất 3607,3m² gia đình ông T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được nhà nước giao đất sử dụng lâu dài.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

- Về việc lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ:

Đối với công tác lập hồ sơ thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án, Phòng Tài nguyên và Môi trường (Cơ quan thường trực của Hội đồng bồi thường GPMB) đã thực hiện các bước quy trình đảm bảo đúng quy định của luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình thực hiện chi trả tiền bồi thường, đến nay còn 06 hộ chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; trong đó có hộ ông Phạm Văn T, thường trú tại thôn L, xã M:

+ Thửa đất số 132, tờ bản đồ địa chính số 26 xã O, diện tích 3.607,3m² do hộ gia đình ông Phạm Văn T đang sử dụng, loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC), diện tích cần thu hồi để thực hiện Dự án là 761,0m², hình thức sử dụng là đất tạm giao. Kinh phí được bồi thường, hỗ trợ 15.981.000 đồng.

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất, hộ gia đình ông T đã nhận tiền bồi thường với số tiền là 129.555.300 đồng.

- Về việc giải quyết đơn của 06 hộ gia đình, cá nhân:

Trong thời gian công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, Hội đồng bồi thường GPMB dự án nhận được đơn đề nghị của 06 hộ gia đình, cá nhân, trong đó có ông Phạm Văn T, đề nghị xem xét lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là đất nông nghiệp giao ổn định, lâu dài.

Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với 06 công dân, có nội dung *“Không chấp nhận nội dung khiếu nại của các công dân, vì các công dân không cung cấp được bằng chứng, chứng cứ có liên quan để xác định diện tích đất công dân đang khiếu nại là đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao ổn định, lâu dài để được bồi thường, hỗ trợ theo loại đất giao ổn định, lâu dài như đơn khiếu nại của công dân. Do vậy, nội dung khiếu nại của 06 công dân Vũ Văn H, Phạm Văn T thôn L, xã M; Bùi Văn C, Bùi Xuân T, thôn P, xã O; Trần Văn T, Phạm Văn B, thôn Q, xã O là không có cơ sở pháp lý”* (Điều 1 của quyết định).

- Về nguồn gốc các thửa đất mà các hộ gia đình, cá nhân có đơn yêu cầu:

Thửa đất số 132, tờ bản đồ địa chính số 26 xã O, diện tích 3.607,3m² do hộ gia đình ông **Phạm Văn T** đang sử dụng, loại đất: đất chuyên trồng lúa (LUC), diện tích cần thu hồi để thực hiện dự án là 761,0 m².

Ngoài ra, hộ gia đình ông Phạm Văn T được Nhà nước giao 1,5 định suất đất nông nghiệp theo quy định từ năm 1993, với tổng diện tích là 1.629,0 m². Đến năm 2016, theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của UBND huyện N về việc phê duyệt phương án dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp thôn L, xã M và kết quả thực hiện Dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai huyện N, hộ gia đình ông Phạm Văn T được giao 01 thửa đất nông nghiệp tại thửa số 156, tờ bản đồ địa chính số 46 xã M với tổng diện tích đất nông nghiệp là 1.914,1m², loại đất: đất nuôi trồng thủy sản, tại xứ đồng Đ.

Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Phạm Văn T được giao năm 2016 nhiều hơn diện tích đất nông nghiệp được giao năm 1993 là 285,1 m². Hộ gia đình ông T không có ý kiến, kiến nghị, phản ánh về kết quả dồn điền đổi thửa đã được UBND huyện N phê duyệt năm 2016, hiện đang canh tác, sử dụng thửa đất này.

- Căn cứ pháp lý lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, GPMB:

Căn cứ Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993, UBND huyện N đã giao đất nông nghiệp theo định suất cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định. Đối chiếu giữa

Hồ sơ địa chính năm 1993, 1999 (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ địa chính) và hồ sơ địa chính năm 2016, phương án dồn điền đổi thửa được UBND huyện N phê duyệt năm 2016 cho thấy, diện tích đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân có sự tương đồng.

Trong quá trình rà soát, thu thập hồ sơ, giấy tờ sử dụng đất của các hộ gia đình cung cấp thì toàn bộ các thửa đất mà các công dân có đơn được cơ sở thôn L, xã M giao trong khoảng thời gian từ 2007 - 2009 với giá chuyển nhượng bình quân là 7.000.000 đồng/sào, lệ phí chuyển dịch là 300.000 đồng/sào, thời hạn giao lâu dài để nuôi trồng thủy sản. Việc cơ sở thôn L, xã M giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân là không đúng thẩm quyền, không đúng thời hạn.

Ngày 01/9/2020, UBND huyện N có Văn bản số 781/UBND-TNMT về việc đồng ý cho phép bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án, có nội dung: “3. Đồng ý các thửa đất thôn L bán cho các hộ gia đình (có biên bản viết tay giữa hộ và lãnh đạo thôn L) năm 2008, 2009 của các hộ: Bùi Văn C, Bùi Xuân T, Tống Đức H, Phạm Văn T, Trần Văn T, Vũ Văn H cho phép bồi thường, hỗ trợ là đất nông nghiệp công ích. Đối với các trường hợp khác thôn bán sau ngày 01/7/2014 không bồi thường, hỗ trợ cho các hộ.”

Căn cứ vào Điều 82; Khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và Điểm d, Khoản 1, Điều 25 Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 (tương ứng với Điểm c, Khoản 1, Điều 21, Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020) của UBND tỉnh Bắc Ninh thì việc UBND huyện N quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 06 hộ gia đình cá nhân nêu trên là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do UBND xã O quản lý là đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* UBND xã M và UBND xã O đồng ý quan điểm của UBND huyện N và đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện thôn L trình bày:

Diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông Phạm Văn T đang có đơn khởi kiện có nguồn gốc trước đây là thung vũng, vườn, đồng do chính quyền thôn L bán cho các hộ dân từ thời kỳ năm 2007-2009 để lấy kinh phí xây dựng nhà văn hóa, làm đường phục vụ cho nhu cầu của nhân dân. Đến nay các hộ gia đình vẫn đang sử dụng đất mua nêu trên và chưa được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này. Quá trình sử dụng diện tích đất nông nghiệp này, thôn L có thu khoán của các hộ gia đình theo quy định của địa phương, đối với thuê thì đất nông nghiệp được miễn. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2

Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại 2011; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T gồm:

- Bác yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TLX đoạn thị trấn Y đi R, huyện N đối với ông Phạm Văn T.

- Bác yêu cầu hủy Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Phạm Văn T.

- Bác yêu cầu xác định diện tích đất 3607,3m² gia đình ông T đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được nhà nước giao đất sử dụng lâu dài.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2022, ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sau khi đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên tại phiên tòa phúc thẩm đã khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 06/7/2022, ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh là trong thời hạn nên được xem xét theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng và thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/9/2021, ông Phạm Văn T có đơn khởi kiện Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và trong thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 về việc thu hồi đất; Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TLX đoạn thị trấn Y đi R, huyện N, đều của UBND huyện N là quyết định hành chính liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính nên cần được xem xét trong cùng vụ án.

[3] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn T:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính:

Căn cứ Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TLX đoạn thị trấn Y đi R, huyện N, UBND huyện N đã triển khai thực hiện việc thông báo thu hồi đất, thành lập Hội đồng bồi thường GPMB, kiểm tra rà soát nguồn gốc sử dụng đất, tài sản trên đất, lập phương án bồi thường hỗ trợ và công khai kết quả....Ngày 02/11/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định thu hồi đất số 2725/QĐ-UBND; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất giai đoạn 2 (đợt 2) số 2726/QĐ-UBND để thực hiện dự án là theo quy định đúng thẩm quyền, hình thức văn bản theo quy định khoản 2 Điều 66 Luật đất đai và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Sau khi có khiếu nại của các hộ dân, trong đó có hộ ông Phạm Văn T, Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Bắc Ninh đã giao các cơ quan chuyên môn tiến hành hành thụ lý, xác minh, tổ chức đối thoại theo quy định. Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 1375/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng trình tự thủ tục cũng như thẩm quyền và hình

thức theo quy định tại Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nguồn gốc diện tích 761m² đất thu hồi đều đã được các bên đương sự xác định là đất nông nghiệp trong tổng số diện tích 3607,3m² đất nông nghiệp của gia đình ông T được thôn L, xã M giao trong khoảng thời gian từ 2007 đến 2009, thông qua việc chuyển nhượng với giá bình quân là 7.000.000 đồng/sào, lệ phí chuyển dịch là 300.000 đồng/sào, thời hạn sử dụng lâu dài để nuôi trồng thủy sản, nhưng đến nay chưa được cấp GCNQSD đất. Tuy nhiên, “Biên bản chuyển nhượng đất nuôi trồng thủy sản lâu dài” ghi ngày 07/10/2008 giữa Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, đại diện đoàn thể của thôn L và ông Phạm Văn T (BL 20) là do các bên tự lập và chỉ căn cứ vào nghị quyết của Chi bộ thôn; không có các giấy tờ, tài liệu hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền giao đất theo quy định.

Theo quy định tại Điều 37 Luật đất đai năm 2003 thì: (1) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức; giao đất đối với cơ sở tôn giáo; giao đất, cho thuê đất đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cho thuê đất đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài (2) Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân; giao đất đối với cộng đồng dân cư (3) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn (4) Cơ quan có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này không được ủy quyền. Như vậy, việc thôn L, xã M, huyện N giao đất cho ông T theo biên bản chuyển nhượng nêu trên là không đúng thẩm quyền. Đồng thời, đây không phải là một trong những loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật đất đai 2013 và theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền phải là đất đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc UBND huyện N không công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn T đối với diện tích đất do thôn L giao là đúng quy định của pháp luật.

[3.2.2] Về chính sách bồi thường, hỗ trợ:

Tại Quyết định số 1544/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường

TLX đoạn thị trấn Y đi R, huyện N, thể hiện mục tiêu đầu tư là góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch phát triển giao thông tỉnh Bắc Ninh; hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông của huyện N... Cụ thể hóa các đồ án quy hoạch của địa phương, làm cơ sở cho việc quản lý xây dựng đô thị, thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự kết nối với khu vực lân cận, nên dự án này là thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng theo quy định tại Điều 62 Luật đất đai năm 2013. Do đó, việc UBND huyện N căn cứ Điều 75 Luật đất đai năm 2013 để phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T theo quy định tại Quyết định số 552/2014/QĐ-UBND ngày 28/12/2014 và Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh là có căn cứ, đúng pháp luật.

Theo quy định thì tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, mức bồi thường tiền đất, hoa màu trên đất và các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được xác định: Đối với đất tạm giao: bồi thường về đất 21.000 đồng/m²; bồi thường hoa màu 9.000 đồng/m². Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định về mức bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông Trào thể hiện tại các bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất kèm theo Quyết định số 2726/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện N là phù hợp và đúng quy định của pháp luật, là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định nêu trên thấy kháng cáo của ông Phạm Văn T là không có cơ sở để chấp nhận; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: ông Phạm Văn T phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000195 ngày 18/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến

Trần Quang Minh

Hồ Sỹ Hưng

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THSDS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.